

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1194 /NMĐSH1-KTATMT

Hậu Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2025

V/v cung cấp báo giá “VTTC - Dự phòng phần
Cơ nhiệt – Lining cho Máy nghiền đá vôi
Năm 2025”.

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Vật tư thay thế - Dự phòng phần Cơ nhiệt - Lining cho Máy nghiền đá vôi Năm 2025”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:
 - Danh mục hàng hóa: như Phụ lục Đính kèm;
 - Hàng hóa mới 100%, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây;
 - Cung cấp tài liệu của nhà sản xuất, cung cấp CO, CQ/các tài liệu liên quan.
 2. Tiến độ cung cấp: Nhà thầu đề xuất tiến độ tốt nhất để Nhà máy xem xét.
 3. Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.
 4. Hiệu lực báo giá: 150 ngày kể từ ngày chào giá.
 5. Thời gian gửi báo giá: trước 17h00 ngày 16./.6./2025.
 6. Phương thức gửi báo giá: đề nghị các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên, đóng dấu đỏ của công ty) gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua Email của Nhà máy và Email nhận báo giá của Chi nhánh.
 7. Thông tin liên hệ:
 - Người nhận: Phòng KTATMT - NMNĐ Sông Hậu 1.
 - Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.
 - Email:
 - + Email Nhà máy: khuepn@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn; hanhhlx@pvpgb.vn; giangth@pvpgb.vn.
 - + Email nhận báo giá của Chi nhánh: nhanbaogia.hn@pvpgb.vn
- NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Nhà máy (để b/c);
- Phòng: TM, KHTC;
- Lưu VT, KTATMT (P.N.K).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC:

**Danh mục hàng hóa mua sắm “Vật tư thay thế - Dự phòng phần Cơ nhiệt –
Lining cho Máy nghiền đá với Năm 2025”**

(Đính kèm theo Công văn số: 1134 /NMĐSHI - KTATMT, ngày 30/5 /2025)

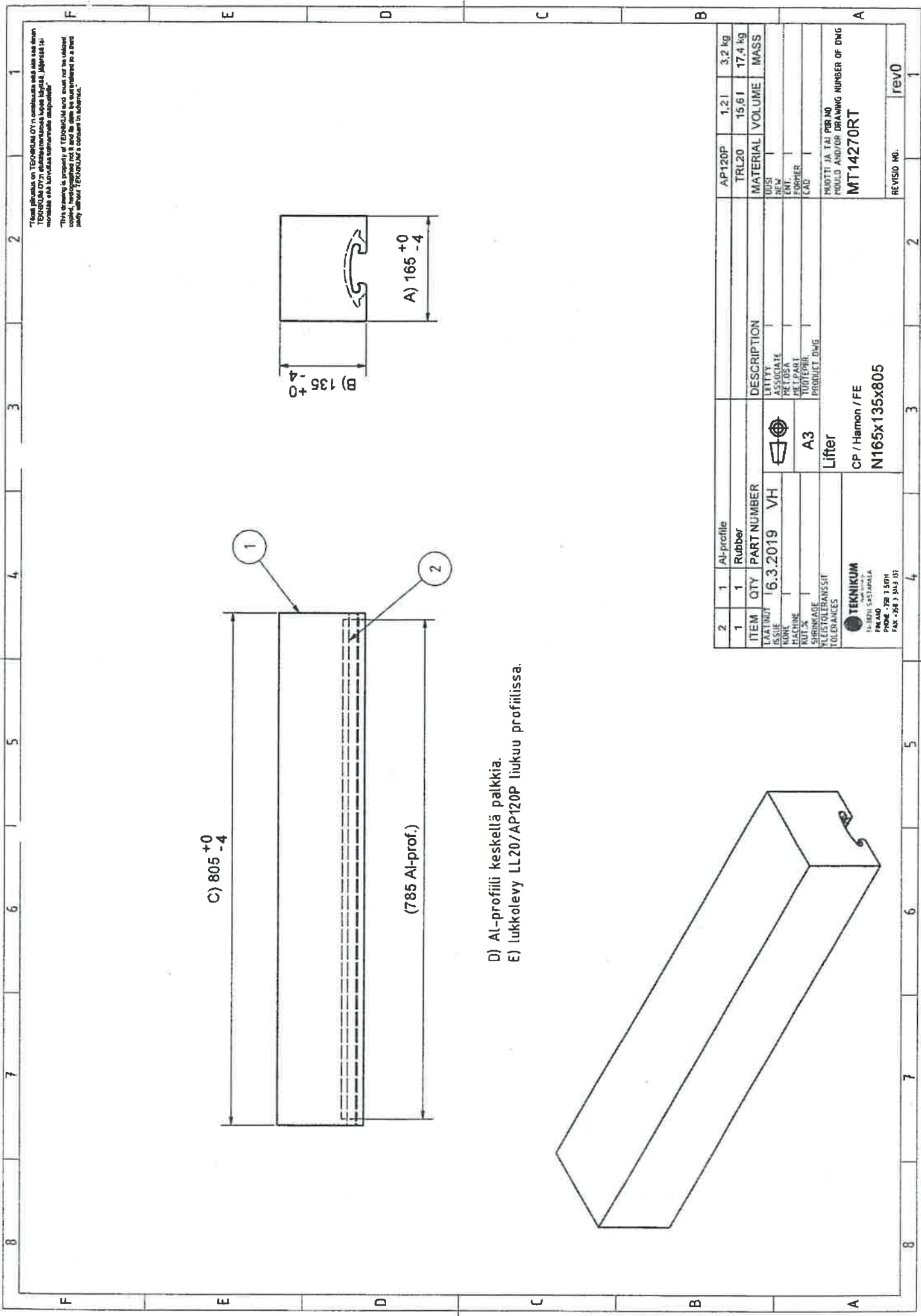
STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị
1.	Lifter N165x135x805	-Mould and/or drawing number of DWG: MT14270RT - Vật liệu: Cao su và hợp kim nhôm - Khối lượng: 20,6 ±4% Kg - Bao gồm 03 bộ bulong neo M20x135 mm để lắp đặt	11	Set
2.	Head plate PL60x485/14x828	-Mould and/or drawing number of DWG: MT13908E - Vật liệu: Cao su - Khối lượng: 15,7 ±4% Kg	11	Pc
3.	Lifter V165x135x1455	-Mould and/or drawing number of DWG: MT14270RR - Vật liệu: Cao su và hợp kim nhôm - Khối lượng: 33,8 ±4% Kg - Bao gồm 04 bộ bulong neo M20x135 mm để lắp đặt	80	Set
4.	Shell plate VL60x232x1500	-Mould and/or drawing number of DWG: MT14271FL - Material: Cao su - Khối lượng: 25,1 ±4% Kg	60	Pc
5.	Shell plate VL60x232x1346	-Mould and/or drawing number of DWG: MT14271FM - Material: Cao su - Khối lượng: 22,5 ±4% Kg	20	Pc
6.	Lifter N165x135x675	-Mould and/or drawing number of DWG: MT14270RU - Vật liệu: Cao su và hợp kim nhôm	11	Set

		- Khối lượng: 17,3 ±4% Kg - Bao gồm 03 bộ bulong neo M20x135 mm để lắp đặt		
7.	Head plate PL60x485x89x700	-Mould and/or drawing number of DWG: MT13908F - Vật liệu: Cao su - Khối lượng: 15 ±4% Kg	11	Pc
8.	Filling segmnet TS165x165x1500, 20x60 Viiste 13x5	-Mould and/or drawing number of DWG: 14580H - Vật liệu: Cao su - Khối lượng: 44,85 ±4% Kg	6	Pc
Yêu cầu kỹ thuật đặt tính vật liệu cao su: + Độ cứng: Shore A 65 ±5 + Đáp ứng môi trường làm việc có nhiệt từ 0 - 80 độ C				

Bản vẽ tham khảo chi tiết như đính kèm./.

Yêu cầu khác:

- + Nhà cung cấp có thể khảo sát/tìm hiểu các thiết bị của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 để đảm bảo cung cấp hàng hóa đáp ứng các yêu cầu nói trên.
- + Nhà cung cấp chào giá hàng hóa ghi rõ xuất xứ hàng hóa để Nhà máy xem xét.



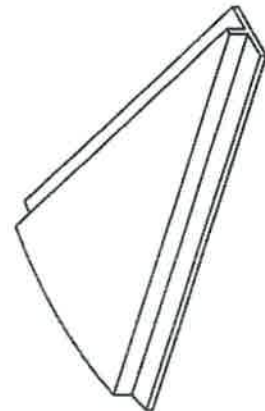
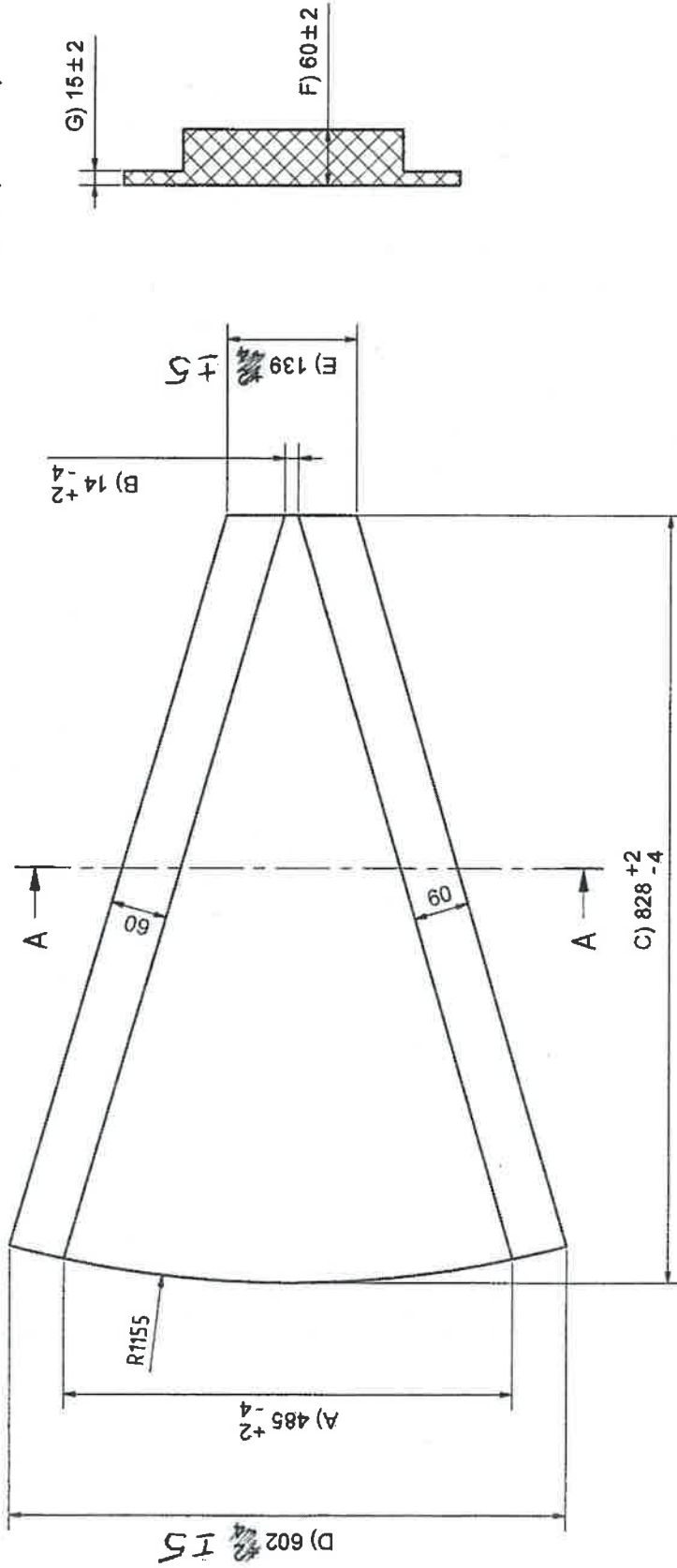
D) Al-profiili keskellä palkkia.
E) lukkolevy LL20/API20P liukuu profiilissa.

2	1	Al-profile							AP120P	1.2 l	3.2 kg
1	1	Rubber							TRL20	15.6 l	17.4 kg
ITEM			QTY	PART NUMBER	DESCRIPTION		MATERIAL		VOLUME	MASS	
LASTIMUUT			16.3.2019	VH							
ISSUE											
KUNN											
MACHINE											
KUT X											
SHRINKAGE											
TOLERANCES											

"Tehnikum OY:n omistamat oikeudet säilyvät
 Tekniikum OY:n tekemien teknisten asiakirjojen
 sisältöä koskeva informaatio osittain tai kokonaan
 teknisesti ja kaupallisesti salaisena pidettävänä."

"This drawing is property of TEKNIUKUM and must not be copied
 or reproduced in any way without TEKNIUKUM's consent in advance."

A-A (1:5)



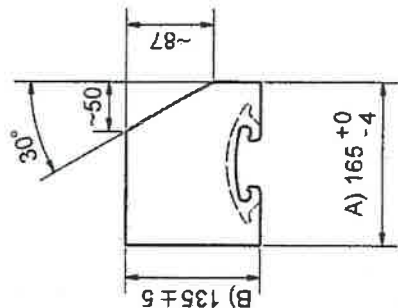
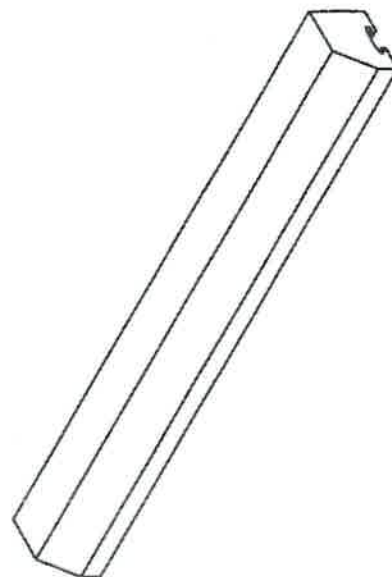
1	1	MT13908E	PL60x485/14x828	TRL20	141	15.7 kg
ITEM	QTY	PART NUMBER	DESCRIPTION	MATERIAL	VOLUME	MASS
LASTENIT	6.3.2019	VH	LEIITYS	UUSI		
ISSUE			ASSURANCE	UUSI		
KOMI			PRELIMINARY	UUSI		
MACHINE			PRELIMINARY	UUSI		
RUT %			PRODUCT DWS	UUSI		
SHRINKAGE				UUSI		
TYÖJÄRJESTYKSEN				UUSI		
TOLERANCES				UUSI		
Head plate			MOUNTING JA YHTEYSPÄÄN			
CP / Harmon / Feed head			MOUNTING AND/OR DRAWING NUMBER OF DWG			
PL60x485/14x828			MT13908E			
TEKNIUKUM OY			REVISIO NO:			
PLANTIN SÄSTÄMÄLLÄ			rev0			
FINLAND						
Puh. +358 10 5011						
FAX +358 10 5013						

TEKNIKUM OY:n tekemästä suunnitelmasta ei saa tehdä
TEKNIKUM OY:n vastuuta koskevia lausuntoja, joiden
nominiaali- ja korvausvastuuta ei voida
"This drawing is property of TEKNIKUM OY and must not be
copied, reproduced, modified or used in any way without
prior written consent of TEKNIKUM OY."

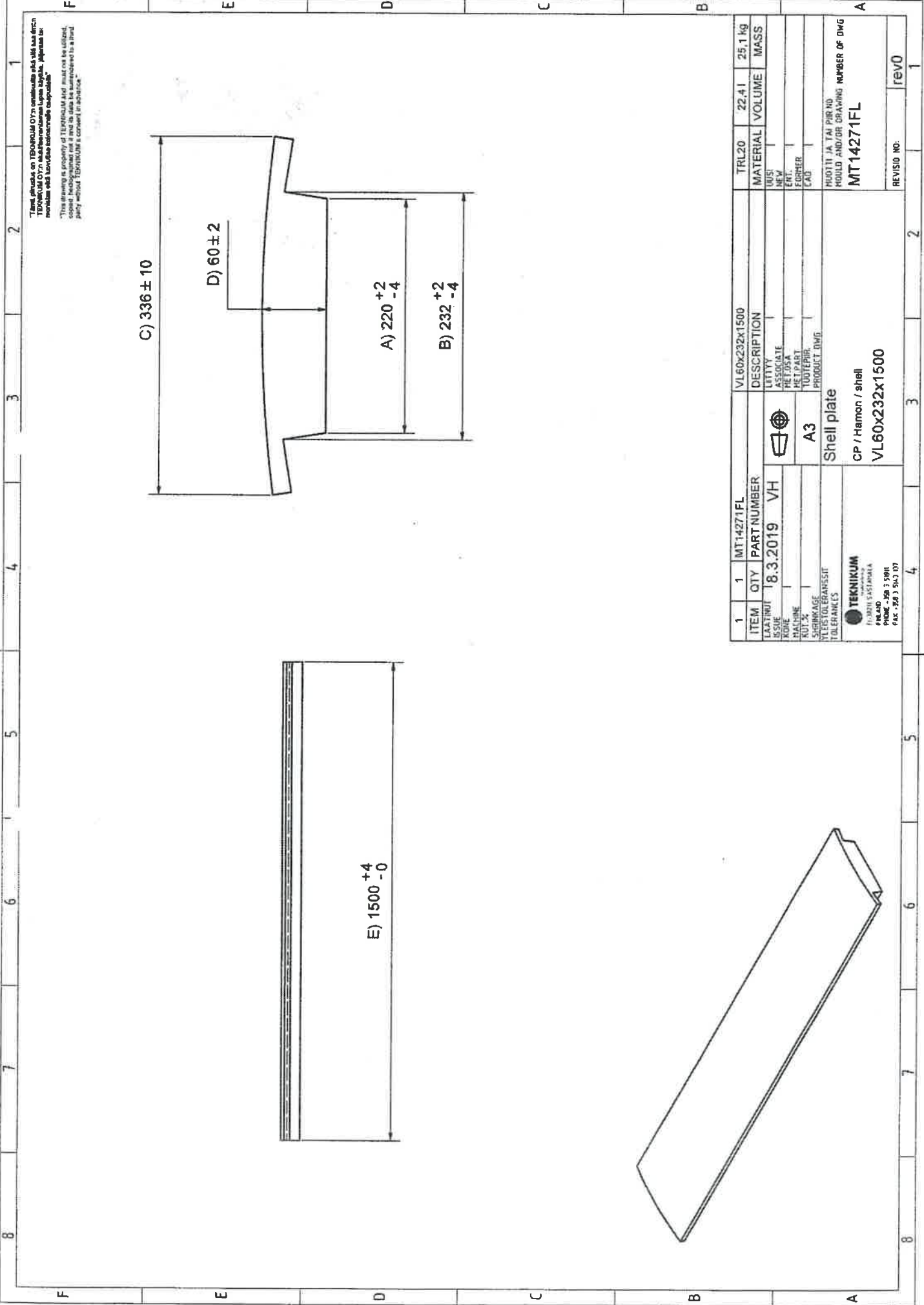
C) 1455⁺⁰
-4

(1435 Al-prof.)

D) Al-profiili keskeillä palkilla.
E) Lukkolevy LL20/AP120P liukuu profiilissa.

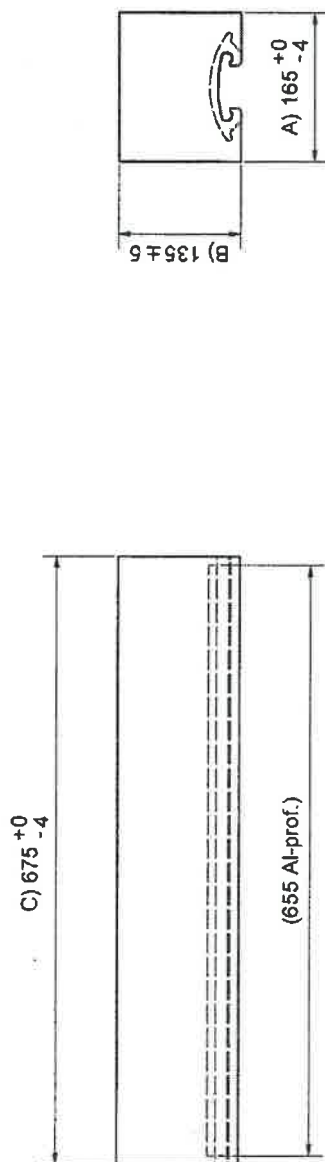


2	1	rubber				TRL20	24.91	27.9 kg
1	1	Al-prof				AP120P	2.21	5.9 kg
ITEM		QTY	PART NUMBER	DESCRIPTION		MATERIAL	VOLUME	MASS
LAATIMIN		17.3.2019	VH					
ISSUE								
KONE								
MACHINE								
KUT. %								
SHRINKAGE								
TOLERANCES								
TEKNIKUM								
FINLAND								
PHONE: +358 9 512 107								
FAX: +358 9 512 107								
Lifter								
CP / Hamon / shell								
V165x135x1455								
MOULD AND/OR DRAWING NUMBER OF DWG								
MT14270RR								
REVISIO NO.								
rev0								

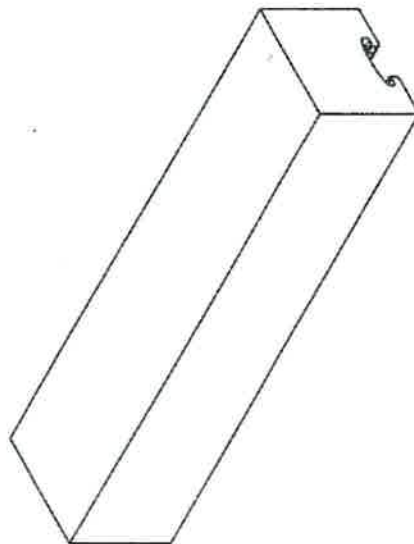


Tämä piirros on TEKNIKUM OY:n omistuksessa eikä sitä saa leikkiä.
 TEKNIKUM OY:n vastuualueeseen tulee tässä piirroksessa
 mainittu osasto ja sen toimintatila.
 *Tämä piirros on TEKNIKUM OY:n omaisuus eikä sitä saa leikkiä.
 *Tämä piirros on TEKNIKUM OY:n omaisuus eikä sitä saa leikkiä.
 *Tämä piirros on TEKNIKUM OY:n omaisuus eikä sitä saa leikkiä.

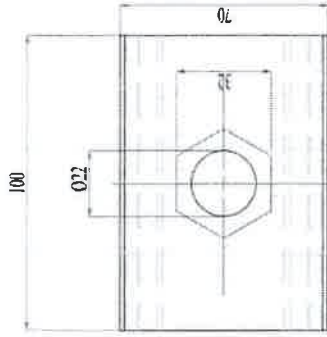
1	1	MT14271FL	QTY	PART NUMBER	DESCRIPTION	TRL20	22.4 l	25.1 kg
LAATINTU	8.3.2019	VH			VL60x232x1500	MATERIAL	VOLUME	MASS
ISSUE					UTILITY	IBUS		
REVISION					ASSOCIATE	NEW		
DATE					HELLOSA	ERT		
BY					HEL PART	FORMER		
CHK'D					TOOTEPUR	CAD		
APPROVED					PRODUCT DWG			
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED								
DATE								
BY								
CHK'D								
APPROVED				</				

[illegible]

D) Al-profiili keskellä palkkia.
E) Lukkolevy LL20/AP120P liukuu profiilissa.

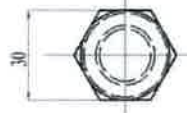
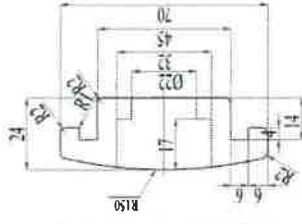


Số lượng 11 pc									
2		1	At-profile			AP120P		1 l	2.7 kg
1		1	Rubber			TRL20		13,1 l	14,6 kg
ITEM		QTY	PARTNUMBER	DESCRIPTION		MATERIAL		VOLUME	MASS
12247001		6.3.2019	VH			IDENTITY			
12247002						NET WEIGHT			
12247003						NET WEIGHT			
12247004						NET PART			
12247005						TOLERANCE			
12247006				A3		PRODUCT DWG			
12247007				Lifter					
12247008									
12247009									
12247010									
12247011									
12247012									
12247013									
12247014									
12247015									
12247016									
12247017									
12247018									
12247019									
12247020									
12247021									
12247022									
12247023									
12247024									
12247025									
12247026									
12247027									
12247028									
12247029									
12247030									
12247031									
12247032									
12247033									
12247034									
12247035									
12247036									
12247037									
12247038									
12247039									
12247040									
12247041									
12247042									
12247043									
12247044									
12247045									
12247046									
12247047									
12247048									
12247049									
12247050									
12247051									
12247052									
12247053									
12247054									
12247055									
12247056									
12247057									
12247058									
12247059									
12247060									
12247061									
12247062									
12247063									
12247064									
12247065									
12247066									
12247067									
12247068									
12247069									
12247070									
12247071									
12247072									
12247073									
12247074									
12247075									
12247076									
12247077									
12247078									
12247079									
12247080									
12247081									
12247082									
12247083									
12247084									
12247085									
12247086									
12247087									
12247088									
12247089									
12247090									
12247091									
12247092									
12247093									
12247094									
12247095									
12247096									
12247097									
12247098									
12247099									
12247100									
12247101									
12247102									
12247103									
12247104									
12247105									
12247106									
12247107									
12247108									
12247109									
12247110									
12247111									
12247112									
12247113									
12247114									
12247115									
12247116									
12247117									
12247118									
12247119									
12247120									
12247121									
12247122									
12247123									
12247124									
12247125									
12247126									
12247127									
12247128									
12247129									
12247130									
12247131									
12247132									
12247133									
12247134									
12247135									
12247136									
12247137									
12247138									
12247139									
12247140									
12247141									
12247142									
12247143									
12247144									
12247145									
12247146									
12247147									
12247148									
12247149									
12247150									
12247151									
12247152									
12247153									
12247154									
12247155									
12247156									
12247157									
12247158									
12247159									
12247160									
12247161									
12247162									
12247163									
12247164									
12247165									
12247166									
12247167									
12247168									
12247169									
12247170									
12247171									
12247172									
12247173									
12247174									
12247175									
12247176									
12247177									
12247178									
12247179									
12247180									
12247181									
12247182									
12247183									
12247184									
12247185									
12247186									
12247187									
12247188									
12247189									
12247190									
12247191									
12247192									
12247193									
12247194									
12247195									
12247196									
12247197									
12247198									
12247199									
12247200									
12247201									
12247202									
12247203									
12247204									
12247205									
12247206									
12247207									
12247208									
12247209									
12247210									
12247211									
12247212									
12247213									
12247214									
12247215									
12247216									
12247217									
12247218									
12247219									
12247220									
12247221									
12247222									
12247223									
12247224									
12247225									
12247226									
12247227									
12247228									
12247229									
12247230									
12247231									
12247232									
12247233									
12247234									
12247235									
12247236									
12247237									
12247238									
12247239									
12247240									
12247241									
12247242									



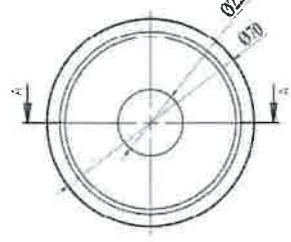
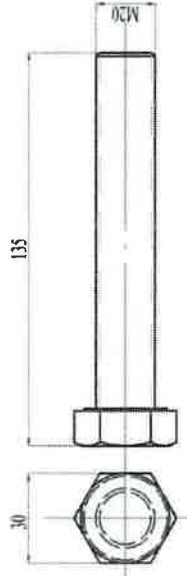
Tấm đệm 100x70x24

VL: CT3; SL: 01
Sơn epoxy màu đỏ



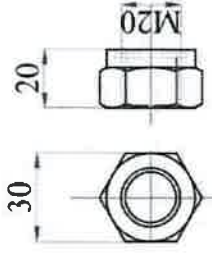
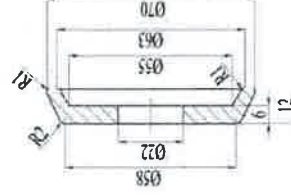
Bulon M20x135, Tiêu chuẩn DIN933

Bước ren 2.5, Cấp bền 8.8, SL: 01

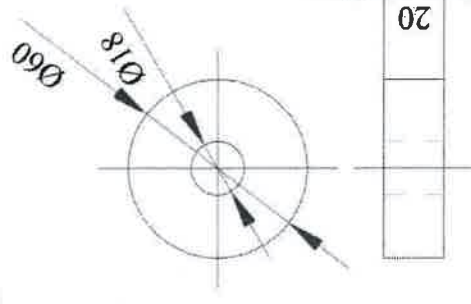


Vòng đệm Ø70x12

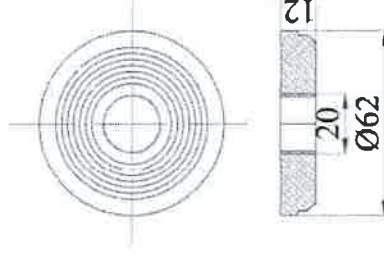
VL: CT3; SL: 01
Sơn epoxy màu xanh



Tán keo M20x2,5
Cấp bền 8.8, SL: 01

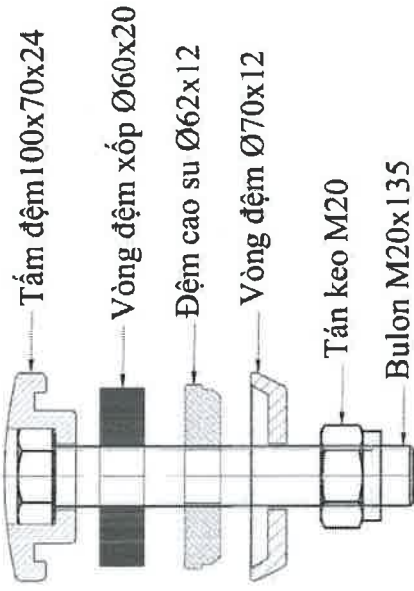


Vòng đệm xốp Ø60x20



Vòng đệm cao su Ø62x12

Số lượng: 01



NAME		SIGNATURE	DATE	TITLE
DRAWN				Bộ Bulong Neo M20x135
CHK'D				
APPV'D				
Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1				MATERIAL 
				DWG NO.
				WEIGHT
				A4
				SHEET 1 OF 1